

Số: 32/2014/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2014

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư hướng dẫn về quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Thông tư này hướng dẫn về công tác quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn (bao gồm cả hầm đường bộ, bến phà đường bộ và đường ngầm).

b) Việc quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn thực hiện theo quy định tại Thông tư số 12/2014/TT-BGTVT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn.

c) Việc bảo trì đường giao thông nông thôn được thực hiện theo quy định

của Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng (sau đây gọi chung là Nghị định số 114/2010/NĐ-CP), Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ (sau đây gọi chung là Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT).

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đường giao thông nông thôn (sau đây gọi chung là đường GTNT)* bao gồm: đường trục xã, đường liên xã, đường trục thôn; đường trong ngõ xóm và các điểm dân cư tương đương; đường trục chính nội đồng.

2. *Cơ quan quản lý đường bộ* là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành thuộc Bộ Giao thông vận tải; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).

3. *Chủ quản lý sử dụng đường GTNT* là tên gọi chung của tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao quản lý, vận hành khai thác và sử dụng đường GTNT do nhà nước đầu tư; Chủ đầu tư đối với đường GTNT không do Nhà nước góp vốn đầu tư; cộng đồng dân cư đối với đường GTNT do cộng đồng đóng góp hoặc các tổ chức, cá nhân đóng góp vốn đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành khai thác và bảo trì.

4. Đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành khai thác đường GTNT (sau đây gọi chung là *Đơn vị quản lý đường GTNT*) là tổ chức, cá nhân được Chủ quản lý sử dụng đường GTNT giao nhiệm vụ, ký kết hợp đồng thực hiện việc quản lý, vận hành khai thác đường GTNT, bảo dưỡng thường xuyên đường GTNT.

5. *Các công trình đặc biệt trên đường GTNT* là tên gọi chung của hầm đường bộ, bến phà đường bộ và đường ngầm trên đường GTNT.

Điều 3. Yêu cầu đối với công tác quản lý, vận hành khai thác đường GTNT

1. Việc quản lý, vận hành khai thác đường GTNT phải bảo đảm an toàn giao thông, an toàn cho công trình đường bộ, an toàn cho người, tài sản và công trình khác trong phạm vi hành lang an toàn đường GTNT, phòng, chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

2. Đường GTNT khi đưa vào vận hành khai thác phải bảo đảm chất lượng theo quy định.

3. Nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân thực hiện các hành vi sau:

- a) Tự ý tháo, lắp hoặc có hành vi phá hoại, làm mất tác dụng các bộ phận, hạng mục của công trình đường GTNT;
- b) Lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường GTNT;
- c) Sử dụng các bộ phận, hạng mục thuộc công trình đường GTNT, đất của đường GTNT trái quy định;
- d) Lắp đặt trái phép đường ống cấp nước, thoát nước, dây tải điện, cáp quang, cáp viễn thông và các công trình khác vào các bộ phận, hạng mục đường GTNT hoặc trong phạm vi hành lang an toàn đường GTNT.

Điều 4. Trách nhiệm quản lý, vận hành khai thác đường GTNT

1. Xác định Chủ quản lý sử dụng đường GTNT:

- a) Đối với đường GTNT do Nhà nước đầu tư, Chủ quản lý sử dụng đường GTNT được xác định theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc phân công, phân cấp cho Ủy ban nhân dân các cấp, Sở Giao thông vận tải và các cơ quan trực thuộc trong việc quản lý, vận hành khai thác đường GTNT trên địa bàn.
- b) Đối với đường GTNT do cộng đồng dân cư đóng góp hoặc các tổ chức, cá nhân đóng góp vốn đầu tư xây dựng, Chủ đầu tư là Chủ quản lý sử dụng đường GTNT.

Trường hợp cộng đồng dân cư, cá nhân sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng đường GTNT nhưng không đủ khả năng làm Chủ quản lý sử dụng đường GTNT thì cơ quan được phân công, phân cấp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ quản lý sử dụng đường GTNT.

- c) Trường hợp đường GTNT được xây dựng bằng nhiều nguồn vốn thì các bên góp vốn thống nhất lựa chọn Chủ quản lý sử dụng đường GTNT.

2. Chủ quản lý sử dụng đường GTNT chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan cấp trên (nếu có) về việc quản lý, vận hành khai thác đường GTNT theo quy định của Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Chủ quản lý sử dụng đường GTNT có thể ủy quyền, giao nhiệm vụ, ký kết hợp đồng với Đơn vị quản lý đường GTNT để thực hiện một phần hoặc toàn bộ công việc quản lý, vận hành khai thác đường GTNT. Trong trường hợp này, Chủ quản lý sử dụng đường GTNT vẫn phải chịu trách nhiệm về việc quản lý, vận hành khai thác đường GTNT.

4. Đơn vị quản lý đường GTNT chịu trách nhiệm theo ủy quyền, văn bản giao nhiệm vụ, hợp đồng ký kết với Chủ quản lý sử dụng đường GTNT và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc quản lý, vận hành khai thác đường GTNT đúng với nội dung được giao và quy định tại Thông tư này.

Chương II
HƯỚNG DẪN LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT
VÀ SỬ DỤNG QUY TRÌNH QUẢN LÝ, VẬN HÀNH KHAI THÁC
CÁC CÔNG TRÌNH ĐẶC BIỆT TRÊN ĐƯỜNG GTNT

Điều 5. Quy trình quản lý, vận hành khai thác công trình đặc biệt trên đường GTNT

1. Quy trình quản lý, vận hành khai thác phải được lập đối với các công trình đặc biệt trên đường GTNT được xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp sau đây:

- a) Bến phà đường bộ;
- b) Đường ngầm;
- c) Hàm đường bộ có sử dụng thiết bị thông gió và thiết bị khác phục vụ vận hành khai thác;

d) Các trường hợp khác do Người quyết định đầu tư, Chủ đầu tư quy định.

2. Quy trình quản lý, vận hành khai thác phải được lập đối với các công trình đặc biệt trên đường GTNT đang khai thác, sử dụng sau đây:

- a) Các công trình quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này;
- b) Các trường hợp khác do Chủ quản lý sử dụng đường GTNT quy định.

3. Quy trình quản lý, vận hành khai thác công trình đặc biệt trên đường GTNT có thể được lập riêng hoặc lập cùng với Quy trình bảo trì công trình đặc biệt trên đường GTNT.

Điều 6. Tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt Quy trình quản lý, vận hành khai thác công trình đặc biệt trên đường GTNT

1. Đối với công trình đặc biệt trên đường GTNT được xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp:

a) Tư vấn thiết kế kỹ thuật (đối với công trình thiết kế ba bước), tư vấn thiết kế bản vẽ thi công (đối với công trình có thiết kế một bước hoặc thiết kế hai bước) có trách nhiệm lập Quy trình quản lý, vận hành khai thác.

Trường hợp tư vấn thiết kế không lập Quy trình quản lý, vận hành khai thác, Chủ đầu tư có trách nhiệm lựa chọn tổ chức khác có đủ năng lực, kinh nghiệm để lập Quy trình quản lý, vận hành khai thác.

b) Chủ đầu tư có trách nhiệm thẩm định, phê duyệt Quy trình quản lý, vận hành khai thác công trình đặc biệt trên đường GTNT.

Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư thuê tư vấn thẩm tra Quy trình quản lý, vận hành khai thác công trình đặc biệt trên đường GTNT trước khi phê duyệt. Tư vấn thẩm tra phải chịu trách nhiệm về chất lượng và nội dung Quy trình do mình thẩm tra.

c) Nhà cung cấp thiết bị (nếu có) có trách nhiệm bàn giao Quy trình quản lý,

vận hành khai thác thiết bị do mình cung cấp cho Chủ đầu tư.

2. Đối với công trình đặc biệt trên đường GTNT đang khai thác, sử dụng:

a) Công trình đặc biệt trên đường GTNT do Nhà nước đầu tư hoặc có sử dụng vốn Nhà nước để quản lý, vận hành khai thác, Chủ quản lý sử dụng đường GTNT tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt Quy trình quản lý, vận hành khai thác theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Công trình đặc biệt trên đường GTNT do cộng đồng dân cư đóng góp hoặc các tổ chức, cá nhân đóng góp vốn đầu tư xây dựng, Chủ quản lý sử dụng đường GTNT có trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt Quy trình quản lý, vận hành khai thác.

c) Việc lập Quy trình quản lý, vận hành khai thác công trình đặc biệt trên đường GTNT do Chủ quản lý sử dụng đường GTNT tự thực hiện hoặc thuê tư vấn đủ năng lực kinh nghiệm để thực hiện.

3. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, cộng đồng dân cư, cá nhân là Chủ đầu tư, Chủ quản lý sử dụng đường GTNT thì trước khi phê duyệt Quy trình quản lý, vận hành khai thác công trình đặc biệt trên đường GTNT phải thỏa thuận với Sở Giao thông vận tải.

Điều 7. Nội dung Quy trình quản lý, vận hành khai thác công trình đặc biệt trên đường GTNT

Quy trình quản lý, vận hành khai thác công trình đặc biệt trên đường GTNT bao gồm các nội dung sau:

1. Quy định chung:

a) Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Quy trình;

b) Hiệu lực áp dụng Quy trình;

c) Các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành liên quan đến việc lập Quy trình và tổ chức quản lý, vận hành khai thác công trình đặc biệt trên đường GTNT;

d) Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật viện dẫn để quản lý, vận hành khai thác công trình, bao gồm: Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật dùng để thiết kế công trình, vật liệu chính sử dụng để xây dựng công trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế công trình đặc biệt trên đường GTNT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật khác;

đ) Các tài liệu tham khảo, tài liệu được viện dẫn;

e) Hồ sơ tài liệu về công trình trong giai đoạn thực hiện đầu tư xây dựng và bản vẽ hoàn công là tài liệu phục vụ quản lý, vận hành khai thác công trình đặc biệt trên đường GTNT. Trong Quy trình phải có các thông tin khái quát về phạm vi công trình, các bộ phận, hạng mục của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình (nếu có);

g) Các nội dung cần thiết khác.

2. Các công việc thực hiện kể từ khi tiếp nhận công trình đặc biệt trên đường

GTNT đưa vào vận hành khai thác.

- a) Tiếp nhận công trình hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào vận hành khai thác;
- b) Xác định phạm vi quản lý, bảo vệ công trình;
- c) Lập, quản lý sử dụng, lưu trữ hồ sơ, tài liệu phục vụ quản lý, vận hành khai thác công trình;
- d) Cắm biển báo hiệu đường bộ, bảng hướng dẫn quản lý, vận hành khai thác công trình;
- đ) Tổ chức giao thông;
- e) Tuần tra, theo dõi tình trạng công trình;
- g) Kiểm tra kỹ thuật công trình;
- h) Sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, khiếm khuyết được phát hiện khi tuần tra theo dõi và kiểm tra kỹ thuật;
- i) Xử lý đối với công trình đang khai thác có biểu hiện xuống cấp về chất lượng, không bảo đảm an toàn cho việc khai thác, sử dụng; xử lý sự cố công trình;
- k) Các quy định cần thiết khác.

3. Các tài liệu khác, bao gồm các bảng biểu, phụ lục, mẫu biểu, băng ghi hình, ảnh và tài liệu hướng dẫn công tác quản lý, vận hành khai thác công trình đặc biệt trên đường GTNT.

4. Ngoài các nội dung quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này, căn cứ quy mô, tính chất, đặc điểm của từng công trình và các quy định tại Chương III của Thông tư này, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm lập, thẩm định, phê duyệt phải bổ sung các nội dung cần thiết vào Quy trình quản lý, vận hành khai thác công trình đặc biệt trên đường GTNT để bảo đảm an toàn và duy trì tuổi thọ công trình.

Điều 8. Sử dụng Quy trình quản lý, vận hành khai thác công trình đặc biệt trên đường GTNT và điều chỉnh Quy trình trong thời gian vận hành khai thác công trình

1. Quy trình quản lý, vận hành khai thác sau khi được ban hành là tài liệu phục vụ cho công tác quản lý, vận hành khai thác công trình đặc biệt trên đường GTNT.

2. Đối với các công trình trên đường GTNT không thuộc trường hợp phải lập Quy trình quản lý, vận hành khai thác thì áp dụng các quy định tại Chương III của Thông tư này để quản lý, vận hành khai thác cho phù hợp với quy mô, tính chất, cấu tạo, tuổi thọ, điều kiện tự nhiên và điều kiện vận hành khai thác của đường GTNT.

3. Đối với công trình đặc biệt trên đường GTNT có Quy trình quản lý, vận hành khai thác được ban hành trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, Chủ quản lý sử dụng đường GTNT căn cứ Thông tư này để điều chỉnh, bổ sung các nội dung cần thiết phục vụ cho quản lý, vận hành khai thác.

4. Trong quá trình thực hiện quản lý, vận hành khai thác, khi thấy cần thiết, Chủ quản lý sử dụng đường GTNT tổ chức điều chỉnh, bổ sung Quy trình và trình duyệt theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 của Thông tư này.

Chương III

NỘI DUNG QUẢN LÝ, VẬN HÀNH KHAI THÁC ĐƯỜNG GTNT

Điều 9. Tiếp nhận đường GTNT hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào vận hành khai thác

1. Trước khi đưa đường GTNT vào vận hành khai thác, Chủ đầu tư có trách nhiệm:

a) Hoàn thành các thủ tục về quản lý đầu tư xây dựng công trình theo quy định;

b) Lắp đặt đầy đủ biển báo đường bộ, bảng hướng dẫn quản lý, vận hành khai thác các công trình đặc biệt và hệ thống an toàn giao thông theo quy định tại Điều 12 của Thông tư này;

c) Bàn giao cho Chủ quản lý sử dụng đường GTNT hồ sơ tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 11 của Thông tư này.

2. Khi bàn giao đường GTNT, Chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng, tổ chức giám sát thi công xây dựng và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến giai đoạn xây dựng, Chủ quản lý sử dụng đường GTNT tiến hành kiểm tra, rà soát các hạng mục, bộ phận công trình đường GTNT (bao gồm cả bảng hướng dẫn quản lý vận hành khai thác các công trình đặc biệt theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này). Trường hợp có khiếm khuyết, tồn tại về chất lượng thì phải khắc phục đảm bảo quy định thiết kế mới được tổ chức bàn giao.

3. Sau khi nhận bàn giao đường GTNT đưa vào vận hành khai thác, Chủ quản lý sử dụng đường GTNT phải thông báo bằng văn bản đến Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, chính quyền thôn về thời gian đưa đường GTNT vào vận hành khai thác, tải trọng khai thác, tốc độ cho phép, khổ giới hạn cho phép tham gia giao thông trên đường GTNT và các nội dung cần thiết khác.

4. Trong thời gian bảo hành theo quy định, Chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng chịu trách nhiệm thực hiện sửa chữa các hư hỏng, khiếm khuyết, thay thế bộ phận, hạng mục bị hư hỏng và thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Điều 10. Xác định phạm vi quản lý, bảo vệ đường GTNT

Phạm vi quản lý, bảo vệ đường GTNT bao gồm:

1. Các công trình trên đường GTNT;

2. Phạm vi đất dành cho đường bộ, bao gồm hành lang an toàn đường bộ và đất của đường bộ theo quy định của Luật Giao thông đường bộ, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

3. Hệ thống đèn chiếu sáng lắp đặt trên đường hoặc trên các bộ phận thuộc đường GTNT (nếu có).

Điều 11. Lập, bảo quản, lưu trữ hồ sơ quản lý, vận hành khai thác đường GTNT

1. Trước khi bàn giao đưa đường GTNT vào vận hành khai thác ít nhất 10 ngày, Chủ đầu tư phải bàn giao cho Chủ quản lý sử dụng đường GTNT các hồ sơ tài liệu sau:

a) Quy trình bảo trì, trừ các trường hợp không phải lập Quy trình bảo trì theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 114/2010/NĐ-CP.

Trường hợp sử dụng tiêu chuẩn bảo trì được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc sử dụng Quy trình bảo trì của công trình đường tương tự, Chủ đầu tư và tư vấn thiết kế phải điều chỉnh, bổ sung các nội dung cần thiết để phù hợp với tuyến đường GTNT do mình quản lý trước khi bàn giao cho Chủ quản lý sử dụng đường GTNT;

b) Quy trình quản lý, vận hành khai thác đối với các công trình đặc biệt trên đường GTNT quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư này;

c) Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, bản vẽ hoàn công, hồ sơ cọc mốc đèn bù giải phóng mặt bằng thực tế, mốc lộ giới hành lang an toàn đường GTNT;

d) Danh mục thiết bị, phụ tùng, vật tư dự trữ chưa lắp đặt hoặc chưa sử dụng trong giai đoạn đầu tư xây dựng (nếu có);

đ) Hồ sơ thẩm tra an toàn giao thông (nếu có);

e) Mốc cao độ, tọa độ xây dựng công trình đường GTNT.

2. Trong quá trình quản lý, vận hành khai thác, Chủ quản lý sử dụng đường GTNT, Đơn vị quản lý đường GTNT có trách nhiệm lập các hồ sơ tài liệu sau:

a) Lập và ghi nhật ký tuần tra theo dõi tình trạng đường GTNT;

b) Lập hồ sơ đăng ký đường GTNT;

c) Các hồ sơ tài liệu, biên bản, văn bản kiểm tra kỹ thuật, đánh giá tình trạng đường GTNT;

d) Hồ sơ tài liệu liên quan đến sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất, kết quả kiểm định chất lượng công trình (nếu có);

đ) Văn bản, biên bản xử lý các hành vi vi phạm đối với đường GTNT, hành lang an toàn đường GTNT;

e) Các văn bản liên quan đến an toàn giao thông;

g) Số liệu đếm xe trên đường (nếu có); số xe qua từng chuyển pha;

3. Các hồ sơ, tài liệu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này là tài liệu phục vụ công tác quản lý, vận hành khai thác đường GTNT và được lưu trữ, bảo quản như sau:

a) Chủ quản lý sử dụng đường GTNT lưu trữ, bảo quản các tài liệu theo quy định tại điểm b, c, d, đ và điểm e khoản 1 Điều này;

b) Đơn vị quản lý đường GTNT lưu trữ toàn bộ các tài liệu theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Thời gian lưu trữ hồ sơ quản lý đường GTNT thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ, nhưng không ít hơn tuổi thọ đường GTNT.

Điều 12. Biển báo hiệu đường bộ và công trình đặc biệt trên đường GTNT

Đường GTNT khi xây dựng và trong quá trình khai thác phải được cấm các loại biển báo hiệu đường bộ và hệ thống an toàn giao thông theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 41:2012/BGTVT ban hành kèm theo Thông tư số 17/2012/TT-BGTVT ngày 29/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ” (sau đây viết tắt là QCVN 41:2012/BGTVT), lắp đặt bảng hướng dẫn và các biện pháp bảo đảm an toàn khác, bao gồm:

1. Đối với phần đường bộ cấm các loại biển sau:

a) Biển “Hạn chế trọng lượng xe” (Biển số 115); Trường hợp có quy định hạn chế trọng lượng trên trục xe thì cấm biển “Hạn chế trọng lượng trên trục xe” (Biển số 116);

b) Biển báo quy định “Tốc độ tối đa cho phép” (Biển số 127);

c) Trường hợp có quy định cấm đối với loại xe nào thì cấm biển cấm đối với loại xe đó (Ví dụ đoạn đường cấm tất cả các loại ô tô tải từ 1,5 T trở lên thì cấm biển “Cấm ô tô tải” (Biển số 106a);

d) Trường hợp đường GTNT giao nhau với đường sắt có rào chắn phải cấm biển “Giao nhau với đường sắt có rào chắn” (Biển số 210), trường hợp không có rào chắn phải cấm biển “Giao nhau với đường sắt không có rào chắn” (Biển số 211a);

đ) Tại vị trí đường GTNT giao nhau với quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện phải cấm biển “Giao nhau với đường ưu tiên” (Biển số 208);

e) Đường GTNT bắt đầu đi vào khu đông dân cư phải cấm biển “Bắt đầu khu đông dân cư” (Biển số 420), ra khỏi khu đông dân cư phải cấm biển “Hết khu đông dân cư” (Biển số 421);

g) Đường GTNT đi qua các khu vực sát sông, hồ hoặc vực sâu phải cấm biển

“Kè, vực sâu phía trước” (Biển số 215), xây dựng tường hộ lan bảo vệ theo Quy chuẩn QCVN 41:2012/BGTVT.

h) Các biển báo hiệu đường bộ khác phù hợp với tổ chức giao thông, điều kiện khai thác và tình trạng tuyến đường.

2. Đối với hầm đường bộ cấm các loại biển sau:

a) Biển “Đường hầm” (Biển số 240);

b) Biển “Hạn chế chiều cao” (Biển số 117) và “Hạn chế chiều ngang” (Biển số 118);

c) Trường hợp để báo đường cấm các xe chở hàng nguy hiểm đi qua hầm phải cấm biển “Cấm xe chở hàng nguy hiểm” (Biển số 106c);

d) Trường hợp cần phải hạn chế tốc độ tối đa cho phép qua hầm thì cấm biển “Tốc độ tối đa cho phép” (Biển số 127);

đ) Các biển báo hiệu đường bộ khác phù hợp với tổ chức giao thông qua hầm.

3. Đối với bến phà đường bộ cấm các loại biển báo hiệu đường bộ sau:

a) Biển “Bến phà” (Biển số 217);

b) Trường hợp có quy định hạn chế tải trọng phương tiện giao thông qua phà phải cấm biển “Hạn chế trọng lượng xe” (Biển số 115); Trường hợp không cho loại xe nào đi qua phà thì cấm biển báo hiệu cấm đối với xe đó (Ví dụ để cấm ô tô có chiều dài quá quy định qua phà phải cấm biển “Hạn chế chiều dài ô tô” (Biển số 119);

c) Biển “Tốc độ tối đa cho phép” (Biển số 127) khi lên, xuống bến phà;

d) Rào chắn cổng bến phà phải đặt biển “Dừng lại” (Biển số 122) để nhân viên bến phà kiểm soát, điều khiển phương tiện giao thông xuống phà.

đ) Các biển báo hiệu đường bộ khác phù hợp với tổ chức giao thông qua phà.

4. Đối với đường ngầm cấm các loại biển sau:

a) Biển “Đường ngầm” (Biển số 216);

b) Cấm cọc tiêu hai bên đường ngầm và cột thủy chuẩn để kiểm tra, theo dõi mực nước tại đường ngầm;

c) Các biển báo hiệu cần thiết khác.

5. Đối với các đường trục thôn, đường trong ngõ xóm và các điểm dân cư tương đương, đường trục chính nội đồng có tiêu chuẩn kỹ thuật thấp hơn đường cấp VI và vận tốc khai thác nhỏ hơn 15km/giờ thì kích thước biển báo, kích thước chữ viết, đường viền xung quanh biển báo và hình vẽ trên biển báo bằng 0,70 lần kích thước quy định tại Quy chuẩn QCVN 41:2012/BGTVT. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Quy chuẩn QCVN 41:2012/BGTVT.

6. Bảng hướng dẫn khi tham gia giao thông trên các công trình đặc biệt trên đường GTNT ghi nội dung theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Đối với các khu vực có đồng bào dân tộc ít người sinh sống, các điểm tham

quan, du lịch, ngoài việc cấm biển báo hiệu đường bộ theo quy định hiện hành và bảng hướng dẫn bằng tiếng Việt, phải thực hiện các nội dung sau:

a) Bổ sung hướng dẫn bằng chữ viết của đồng bào dân tộc (nếu có chữ viết riêng) vào bảng hướng dẫn;

b) Nếu cần thiết, bổ sung hướng dẫn bằng tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác tại các điểm tham quan, du lịch.

Điều 13. Tổ chức giao thông trên đường GTNT

1. Nội dung tổ chức giao thông được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Giao thông đường bộ và các quy định sau:

a) Phân làn, phân luồng, phân tuyến cho người, phương tiện tham gia giao thông và quy định thời gian đi lại (nếu cần) cho phù hợp với điều kiện thực tế;

b) Quy định các đoạn đường đi một chiều, nơi cấm dừng, cấm đỗ, cấm quay đầu xe, đường cấm (nếu cần);

c) Lắp đặt hệ thống báo hiệu đường bộ theo quy định tại Điều 12 Thông tư này;

d) Thông báo công khai, kịp thời khi có sự thay đổi về phân luồng, phân tuyến, thời gian đi lại tạm thời hoặc lâu dài; thực hiện các biện pháp ứng cứu khi có sự cố xảy ra và các biện pháp khác về đi lại trên đường bộ để đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn.

2. Người chịu trách nhiệm tổ chức giao thông trên hệ thống đường GTNT thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Chủ quản lý sử dụng đường GTNT, Đơn vị quản lý đường GTNT có trách nhiệm:

a) Tổ chức, hướng dẫn người tham gia giao thông thực hiện đúng quy định tại khoản 1 Điều này và chấp hành quy định về tổ chức giao thông do cơ quan có thẩm quyền tại khoản 2 Điều này quy định;

b) Tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân hiểu và chấp hành đúng các quy định khi tham gia giao thông và quy định về quản lý, vận hành khai thác đường GTNT.

Điều 14. Tuần tra, theo dõi tình trạng đường GTNT

1. Công tác tuần tra, theo dõi tình trạng đường GTNT do Chủ quản lý sử dụng đường GTNT chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện thông qua các hình thức sau:

a) Chủ quản lý sử dụng đường GTNT trực tiếp tổ chức thực hiện công tác tuần tra, theo dõi tình trạng đường;

b) Chủ quản lý sử dụng đường GTNT giao nhiệm vụ, ký hợp đồng để Đơn vị quản lý đường GTNT thực hiện một phần hoặc toàn bộ công tác tuần tra, theo dõi tình trạng đường; giám sát, kiểm tra Đơn vị quản lý đường GTNT thực hiện tuần tra, theo dõi tình trạng đường GTNT.

2. Nội dung tuần tra, theo dõi và xử lý khi tuần tra tình trạng đường GTNT bao gồm:

a) Tuần tra, theo dõi, phát hiện tình trạng bất thường, sự cố công trình đường bộ, các công trình khác ảnh hưởng đến an toàn giao thông, tai nạn, ùn tắc giao thông (nếu có);

b) Thống kê số lượng, vị trí, tình trạng kỹ thuật của các hạng mục công trình đường bộ, hệ thống cọc mốc giải phóng mặt bằng, cọc mốc lộ giới, hiện trạng phạm vi hành lang an toàn đường bộ; kiểm tra thường xuyên để phát hiện hư hỏng, sự xâm hại công trình.

Trường hợp đủ điều kiện sửa chữa, thì nhân viên tuần đường phải tiến hành sửa chữa ngay các hư hỏng ảnh hưởng đến an toàn giao thông. Trường hợp chưa đủ điều kiện sửa chữa, thì nhân viên tuần đường phải kịp thời báo cáo Đơn vị quản lý đường GTNT và Chủ quản lý sử dụng đường GTNT để xử lý.

c) Phát hiện các hành vi vi phạm, báo cáo Đơn vị quản lý đường GTNT và Chủ quản lý sử dụng đường GTNT để xử lý theo quy định.

Trường hợp vượt quá thẩm quyền thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

3. Nội dung tuần tra, theo dõi và xử lý khi tuần tra đối với các công trình đặc biệt trên đường GTNT:

Việc tuần tra, theo dõi và xử lý khi tuần tra đối với các công trình đặc biệt trên đường GTNT phải thực hiện theo quy định chung tại khoản 2 Điều này và các quy định sau:

a) Đối với đường ngầm: kiểm tra, phát hiện các hư hỏng nền, mặt đường, kè, móng, mái ta luy đường ngầm; hệ thống cọc tiêu hai bên đường ngầm, các biển báo hiệu đường bộ, bảng hướng dẫn, cột thủy chuẩn; trường hợp biển báo, cọc tiêu, cột thủy chuẩn nghiêng đổ thì dựng lại. Khi mưa, lũ, lụt ngập đường ngầm, phải kiểm tra, theo dõi mực nước ngập và vận tốc nước chảy qua đường ngầm để quyết định cho phép khai thác với điều kiện hạn chế tốc độ, hạn chế khác để bảo đảm an toàn giao thông, hoặc quyết định tạm dừng khai thác khi mức nước và tốc độ nước chảy vượt quá giới hạn khai thác an toàn quy định tại Phụ lục số I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đối với hầm đường bộ: kiểm tra, phát hiện các hư hỏng hầm, nền, mặt đường, hệ thống báo hiệu trong hầm và khu vực cửa hầm; khả năng thoát nước của hầm; hệ thống chiếu sáng (nếu có) và các hạng mục công trình khác; kiểm tra công tác vệ sinh trong hầm;

c) Đối với bến phà đường bộ: phát hiện các hư hỏng nền và mặt bến phà, hạng mục công trình đầu bến khu vực mép nước và hai bên bến phà và các công trình khác thuộc bến; kiểm tra tình trạng hệ thống báo hiệu và công trình an toàn giao thông; kiểm tra tình trạng an toàn neo đậu của phà; theo dõi mực nước ngập và

vận tốc dòng nước chảy để báo cáo đơn vị quản lý vận hành khai thác phà hoặc cơ quan có thẩm quyền quyết định hạn chế tải trọng, tốc độ hoặc quyết định tạm dừng khai thác;

d) Các nội dung khác thực hiện theo Quy trình quản lý, vận hành khai thác công trình đặc biệt trên đường GTNT.

4. Trường hợp khi tuần tra phát hiện mất an toàn giao thông thì thực hiện các công việc sau:

a) Triển khai ngay các biện pháp đảm bảo giao thông tạm thời, hạn chế tải trọng và tốc độ;

b) Tạm dừng giao thông khi thấy nguy hiểm và báo cáo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ quản lý sử dụng đường GTNT để quyết định phân luồng giao thông;

c) Các công việc cần thiết khác.

5. Ghi nhật ký khi tuần tra, theo dõi tình trạng đường GTNT. Nội dung nhật ký bao gồm :

a) Thời gian tuần tra;

b) Người thực hiện;

c) Các hư hỏng được phát hiện; các hư hỏng đã được sửa chữa khi tuần tra, các hư hỏng chưa đủ điều kiện sửa chữa khi tuần tra và kiến nghị chuyển sang bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa định kỳ hoặc đột xuất và các xử lý cần thiết khác;

d) Các vi phạm đã được khắc phục, các vi phạm chưa được khắc phục, kiến nghị xử lý;

đ) Nhận xét về khả năng đảm bảo giao thông; đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với các tồn tại. Người tuần tra, theo dõi đường GTNT sau khi ghi nhật ký phải ký và ghi rõ họ tên.

Mẫu nhật ký tuần tra, theo dõi tình trạng đường GTNT theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Số lần tuần tra, theo dõi tình trạng đường GTNT được thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Chủ quản lý sử dụng đường GTNT căn cứ vào từng loại đường, công trình trên đường GTNT, khả năng của Chủ quản lý sử dụng đường GTNT, nhưng không được ít hơn quy định sau:

a) Trục 24/24 giờ tại đường ngầm, bến phà đường bộ trong các ngày bão, lũ, lụt, nước dâng vượt cao độ cho phép khai thác;

b) Không ít hơn 01 lần/ngày đối với bến phà đường bộ, đường ngầm, các vị trí tiềm ẩn nguy cơ sạt lở trong mùa mưa bão;

c) Không ít hơn 01 lần/tuần đối với phần đường và các công trình hợp khác;

7. Công việc tuần tra, theo dõi tình trạng đường GTNT được thực hiện độc lập, hoặc kết hợp với công tác bảo dưỡng thường xuyên Công trình GTNT.

Điều 15. Kiểm tra kỹ thuật các công trình trên đường GTNT

1. Kiểm tra kỹ thuật các công trình trên đường GTNT là việc xem xét lắng trực quan hoặc bằng thiết bị chuyên dụng để đánh giá thực trạng công trình nhằm phát hiện các dấu hiệu hư hỏng của công trình trên đường GTNT, bao gồm: kiểm tra kỹ thuật phần đường, đường ngầm, bến phà đường bộ và hầm đường bộ.

2. Kiểm tra kỹ thuật phần đường:

a) Kiểm tra nền đường tại các vị trí có khả năng lún, sụt lở ta luy, đá lăn tại khu vực đường đi qua khu vực vách núi, các đoạn đường đèo, dốc cao nguy hiểm, các vị trí có nguy cơ ngập nước; kiểm tra sự ổn định và đánh giá các hư hỏng (nếu có) của các công trình kè, tường chắn;

b) Kiểm tra sự làm việc của mặt đường thông qua đánh giá độ bằng phẳng, dốc ngang, các hiện tượng trơn trượt; đánh giá các hư hỏng trên mặt đường, lề đường;

c) Kiểm tra khả năng thoát nước và tình trạng làm việc của hệ thống thoát nước (cống, rãnh dọc, hố thu, hố thăm, rãnh xương cá ở lề đường và các hạng mục khác); đánh giá các hư hỏng khác (nếu có);

d) Kiểm tra, đánh giá tình trạng hệ thống biển báo hiệu đường bộ và các công trình an toàn giao thông.

3. Kiểm tra kỹ thuật đường ngầm thực hiện theo Quy trình quản lý, vận hành khai thác đường ngầm và một số quy định sau:

a) Kiểm tra tình trạng kỹ thuật của đường ngầm trước và sau khi kết thúc mùa mưa bão để có biện pháp sửa chữa khắc phục các hư hỏng (nếu có). Nội dung kiểm tra tập trung vào tình trạng ổn định, các hư hỏng (nếu có) của kè, móng, mái và thân nền đường ngầm; chiều rộng, hiện tượng nứt, vỡ, bong bật, ổ gà, trời, lún của kết cấu mặt đường ngầm; hệ thống cọc tiêu hai bên đường ngầm, các biển báo hiệu đường bộ, bảng hướng dẫn, cột thủy chuẩn;

b) Trong mùa mưa bão, kiểm tra phát hiện các hư hỏng phát sinh để kịp thời sửa chữa, đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn.

4. Kiểm tra đối với bến phà đường bộ thực hiện theo Quy trình quản lý, vận hành khai thác của bến phà và một số quy định sau:

a) Kiểm tra sự làm việc của bến phà (đoạn đường nối bến với phần đường, nền và mặt bến phà, hạng mục công trình đầu bến, khu vực mép nước và hai bên bến phà và các công trình khác thuộc bến); kiểm tra tình trạng hệ thống báo hiệu đường bộ, bảng hướng dẫn và công trình an toàn giao thông; kiểm tra, đánh giá các hư hỏng (nếu có);

b) Việc kiểm tra hệ thống báo hiệu trên sông (nếu có), phao và xuồng cứu sinh thực hiện theo quy định của pháp luật về đường thủy nội địa và các quy định khác có liên quan;

c) Đối với phà và thiết bị lai đất, kéo, đẩy phà (ca nô và các thiết bị, động cơ khác), việc kiểm tra kỹ thuật theo Quy trình quản lý, vận hành khai thác và bảo trì thiết bị và các quy định khác có liên quan.

5. Kiểm tra đối với hầm đường bộ thực hiện theo Quy trình quản lý, vận hành khai thác hầm và một số quy định sau:

a) Kiểm tra tình trạng giao thông của các phương tiện đi qua hầm; tình trạng hầm, nền mặt đường, hệ thống báo hiệu đường bộ, bảng hướng dẫn trong hầm và khu vực cửa hầm; khả năng thoát nước của hầm; hệ thống chiếu sáng (nếu có) và các hạng mục công trình khác;

b) Đối với các thiết bị phục vụ vận hành khai thác (hệ thống thông gió, hệ thống điều khiển giao thông và các thiết bị khác), việc kiểm tra thực hiện theo Quy trình quản lý, vận hành và bảo trì của các thiết bị.

6. Trách nhiệm thực hiện kiểm tra kỹ thuật:

a) Chủ quản lý sử dụng đường GTNT tự thực hiện kiểm tra kỹ thuật. Trường hợp không đủ năng lực và điều kiện, Chủ quản lý sử dụng đường GTNT giao Đơn vị quản lý đường GTNT hoặc thuê tổ chức tư vấn có đủ năng lực thực hiện.

b) Số lần kiểm tra kỹ thuật định kỳ và đột xuất do Chủ quản lý sử dụng công trình quyết định theo hiện trạng đường GTNT, nhưng không được ít hơn số lần theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Khi phát hiện các công trình trên đường GTNT hư hỏng, xuống cấp có nguy cơ mất an toàn giao thông trên địa bàn, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã phải phối hợp với Chủ quản lý sử dụng đường GTNT kiểm tra xác định khả năng khai thác. Trường hợp mất an toàn phải tạm dừng khai thác ngay để khắc phục và tổ chức phân luồng giao thông.

7. Kết thúc kiểm tra kỹ thuật, các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện phải lập báo cáo kiểm tra với các nội dung sau:

a) Tên đường, các công trình trên đường GTNT được kiểm tra;

b) Ngày tháng năm tiến hành kiểm tra;

c) Tên tổ chức, cá nhân, chuyên gia, tư vấn thực hiện kiểm tra;

d) Kết quả kiểm tra các công trình;

đ) Nhận xét, đánh giá về thực trạng khai thác của đường GTNT, các công trình trên đường tại thời điểm kiểm tra; so sánh với các lần kiểm tra trước;

e) Kiến nghị các công việc sửa chữa, khắc phục hoặc kiến nghị khác (nếu có).

Điều 16. Sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, khiếm khuyết phát sinh không đủ điều kiện thực hiện ở bước tuần tra theo dõi và kiểm tra kỹ thuật

1. Các khiếm khuyết, hư hỏng của công trình trên đường GTNT được phát hiện, nhưng không đủ điều kiện sửa chữa ngay khi tuần tra, theo dõi và kiểm tra kỹ thuật, Chủ quản lý sử dụng đường GTNT phải tổ chức lập kế hoạch sửa chữa công

trình.

2. Chủ quản lý sử dụng đường GTNT có trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất hoặc kiểm định chất lượng (nếu cần thiết) theo quy định của Nghị định số 114/2010/NĐ-CP và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 17. Xử lý đối với đường GTNT đang khai thác có biểu hiện xuống cấp về chất lượng, không bảo đảm an toàn cho việc khai thác; xử lý sự cố công trình

1. Khi phát hiện hoặc nhận được thông báo công trình trên đường GTNT có biểu hiện xuống cấp về chất lượng, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, Chủ quản lý sử dụng đường GTNT phải thực hiện ngay các quy định sau:

a) Kiểm tra công trình, nếu cần thiết thì phải kiểm định chất lượng công trình;
b) Thực hiện các biện pháp để bảo đảm an toàn giao thông, an toàn cho công trình trên đường GTNT;

c) Báo cáo ngay với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có sự cố công trình và cơ quan cấp trên của mình (nếu có);

d) Trong vòng 24 giờ phải báo cáo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Đối với công trình cấp II trở lên hoặc công trình khi xảy ra sự cố có thể gây thảm họa thì phải báo cáo Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng theo quy định;

Cấp công trình quy định tại điểm này thực hiện theo quy định tại Phụ lục I Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng (sau đây gọi chung là Thông tư số 10/2013/TT-BXD).

đ) Sửa chữa những hư hỏng có nguy cơ làm ảnh hưởng đến an toàn khi vận hành khai thác đường GTNT thực hiện theo quy định tại Thông tư này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e) Thực hiện các biện pháp phòng hộ để bảo đảm an toàn, hạn chế nguy cơ sập đổ công trình trên đường GTNT gây sự cố nghiêm trọng.

Trong trường hợp Chủ quản lý sử dụng đường GTNT không đủ năng lực và khả năng chuyên môn để thực hiện các biện pháp phòng hộ, Chủ quản lý sử dụng đường GTNT đề nghị Cơ quan quản lý nhà nước và Ủy ban nhân dân các cấp hướng dẫn thực hiện các biện pháp phòng hộ cho công trình.

2. Khi nhận được báo cáo hoặc khi phát hiện công trình trên đường GTNT có biểu hiện xuống cấp, không bảo đảm an toàn cho việc khai thác sử dụng, Cơ quan quản lý nhà nước nhận được báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm:

a) Tổ chức kiểm tra, thông báo, yêu cầu và hướng dẫn Chủ quản lý sử dụng

đường GTNT tổ chức khảo sát, kiểm định chất lượng, đánh giá mức độ nguy hiểm, thực hiện sửa chữa hoặc phá dỡ bộ phận công trình, công trình nếu cần thiết;

b) Quyết định áp dụng các biện pháp quy định tại các điểm a, b và điểm c khoản 1 Điều này nếu Chủ quản lý sử dụng đường GTNT không có khả năng thực hiện;

c) Xử lý trách nhiệm Chủ quản lý sử dụng đường GTNT khi không thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

3. Mọi tổ chức, cá nhân đều có trách nhiệm thông báo cho Chủ quản lý sử dụng đường GTNT, Đơn vị quản lý đường GTNT, cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền các cấp khi phát hiện sự cố hay xuống cấp về chất lượng của công trình trên đường GTNT, không bảo đảm an toàn để kịp thời xử lý theo các quy định tại Thông tư này.

4. Việc xử lý khi có sự cố công trình hoặc nguy cơ sự cố sập đổ công trình thực hiện theo quy định tại Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và quy định tại khoản 3 Điều 30 và Điều 31 của Thông tư số 10/2013/TT-BXD và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Trên cơ sở quy định của Thông tư này, ban hành quy định phân công, phân cấp và trách nhiệm về quản lý, vận hành khai thác và tổ chức giao thông trên các tuyến đường GTNT; quy định việc phê duyệt Quy trình quản lý, vận hành khai thác các công trình đặc biệt trên đường GTNT thuộc phạm vi quản lý.

2. Chỉ đạo, kiểm tra Ủy ban nhân dân các cấp, Sở Giao thông vận tải và các cơ quan trực thuộc trong việc thực hiện trách nhiệm đối với việc quản lý, vận hành khai thác đường GTNT theo quy định của Thông tư này.

3. Xử lý đối với các kiến nghị của Ủy ban nhân dân các cấp, Sở Giao thông vận tải và các cơ quan trực thuộc đối với các công trình trên đường GTNT trên địa bàn bị hư hỏng, xuống cấp không bảo đảm an toàn.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức quản lý, vận hành khai thác và tổ chức giao thông đối với các tuyến đường GTNT theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và quy định của pháp luật.

2. Chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã - Chủ quản lý sử dụng

đường GTNT và các cơ quan trực thuộc trong việc thực hiện trách nhiệm đối với việc quản lý, vận hành khai thác đường GTNT trên địa bàn theo quy định của Thông tư này.

3. Hàng năm, thống kê, phân loại các loại đường GTNT trên địa bàn; tổng hợp tình hình quản lý, vận hành khai thác các đường GTNT, danh sách các công trình trên đường GTNT trên địa bàn bị hư hỏng, xuống cấp không đủ điều kiện khai thác an toàn để báo cáo và kiến nghị xử lý với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và gửi Sở Giao thông vận tải.

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức quản lý, vận hành khai thác và tổ chức giao thông đối với các tuyến đường GTNT theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp trên và quy định của pháp luật.

2. Kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện trách nhiệm đối với việc quản lý, vận hành khai thác đường GTNT thuộc quyền sở hữu của cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân theo quy định của Thông tư này.

3. Hàng năm, thống kê, phân loại các loại đường GTNT trên địa bàn; tổng hợp tình hình quản lý, vận hành khai thác đường GTNT, danh sách các công trình trên đường GTNT trên địa bàn bị hư hỏng, xuống cấp không đủ điều kiện khai thác an toàn để báo cáo và kiến nghị xử lý với Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 21. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các quy định tại Điều 18 của Thông tư này.

2. Hướng dẫn, kiểm tra theo thẩm quyền việc thực hiện các quy định về quản lý, vận hành khai thác và tổ chức giao thông hệ thống đường GTNT, thống kê, phân loại đường GTNT.

3. Hàng năm, thống kê, tổng hợp theo phân loại và chiều dài đường GTNT báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Giao thông vận tải; tổng hợp tình hình quản lý, vận hành khai thác toàn bộ đường GTNT trên địa bàn, danh sách các công trình trên đường GTNT hư hỏng, xuống cấp không đủ điều kiện khai thác an toàn để báo cáo, kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử lý.

Điều 22. Trách nhiệm của Chủ quản lý sử dụng đường GTNT

1. Tổ chức quản lý, vận hành khai thác đường GTNT.

2. Thực hiện theo chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân và cơ quan nhà nước có thẩm quyền các cấp trong quản lý, vận hành khai thác đường GTNT để bảo đảm an toàn giao thông, an toàn cho công trình, phòng chống tai nạn giao thông; báo cáo khó khăn vướng mắc trong quản lý, vận hành khai thác đường GTNT cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Phát hiện và ngăn chặn các tổ chức, cá nhân phá hoại công trình trên đường GTNT, xâm phạm hành lang an toàn đường bộ và các hành vi vi phạm các nội dung bị nghiêm cấm.

Điều 23. Xử lý chuyển tiếp

Đối với các công trình đặc biệt trên đường GTNT đã đưa vào khai thác phải có Quy trình quản lý, vận hành khai thác theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư này, chậm nhất đến ngày 01/6/2015, Chủ quản lý sử dụng đường GTNT phải hoàn thành việc xây dựng, ban hành Quy trình quản lý, vận hành khai thác. Trong thời gian chưa ban hành Quy trình riêng, việc quản lý, vận hành khai thác công trình đặc biệt trên đường GTNT phải thực hiện theo các quy định tại Chương III của Thông tư này.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

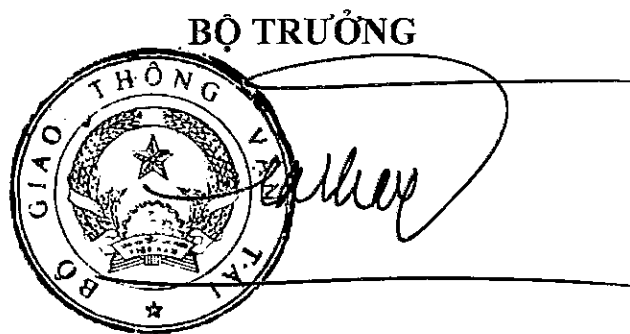
Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2014.

Điều 25. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 25;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Trang Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Công báo;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, KCHTGT (30).



BỘ TRƯỞNG

Đinh La Thăng

Phụ lục I

NỘI DUNG BẢNG HƯỚNG DẪN TẠI CÁC CÔNG TRÌNH ĐẶC BIỆT TRÊN ĐƯỜNG GTNT (Ban hành kèm theo Thông tư số /2014/TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Bảng hướng dẫn khi tham gia giao thông trên các công trình đặc biệt trên đường GTNT những nội dung sau:

1. Nghiêm chỉnh chấp hành báo hiệu đường bộ.
2. Đối với hầm đường bộ: phải có nội dung quy định các loại phương tiện giao thông (xe) được phép đi qua hầm, tốc độ tối đa, chiều cao hạn chế, chiều ngang hạn chế, khoảng cách giữa phương tiện tham gia giao thông qua hầm (nếu có quy định); quy định cấm dừng, đỗ, quay đầu xe trong hầm.
3. Đối với bến phà đường bộ: phải có nội dung quy định các loại phương tiện giao thông (xe) được phép lên phà; quy định người và các phương tiện tham gia giao thông qua phà phải tuyệt đối tuân thủ hiệu lệnh và hướng dẫn của nhân viên bến phà.
4. Đối với đường ngầm: phải có nội dung quy định người tham gia giao thông chú ý quan sát mực nước tràn trên đường (qua cột thủy chuẩn). Trường hợp chiều sâu, vận tốc nước chảy qua đường ngầm vượt quá trị số ghi trong bảng dưới đây thì phải tạm dừng giao thông qua đường ngầm:
 - a) Vận tốc nước chảy từ 0 đến 1,5 m/giây, đồng thời chiều sâu ngập nước $\geq 0,4$ m;
 - b) Vận tốc nước chảy đến 2,0 m/giây đồng thời chiều sâu ngập nước $\geq 0,3$ m;
 - c) Vận tốc nước chảy đến 2,5 m/giây đồng thời chiều sâu ngập nước $\geq 0,2$ m.
5. Các hành vi không được thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 3 của Thông tư này.
6. Số điện thoại của Chủ quản lý sử dụng đường GTNT, Đơn vị quản lý đường GTNT.
7. Các nội dung cần hướng dẫn khác.

Phụ lục II

MẪU NHẬT KÝ TUẦN TRA, THEO DỐI TÌNH TRẠNG ĐƯỜNG GTNT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2014/TT-BGTVT

ngày 08 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Trang bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHẬT KÝ TUẦN TRA, THEO DỐI TÌNH TRẠNG ĐƯỜNG GTNT

Công trình: (ghi tên đường)

Địa điểm: (ghi tuyến đường, thôn, xã, huyện nơi có đường)

Quyển số:

Đơn vị quản lý đường GTNT:.....

Nhân viên tuần đường:.....

Bắt đầu ngày:/...../.....

Hết quyển ngày:/...../.....

....., năm 20

2. Trang tiếp

HƯỚNG DẪN GHI NHẬT KÝ TUẦN TRA, THEO DÕI TÌNH TRẠNG ĐƯỜNG GTNT

Phần I

MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tuần tra, theo dõi đường GTNT nhằm mục đích phát hiện kịp thời những hư hỏng, vi phạm hoặc sự cố xảy ra để nhanh chóng khắc phục, tránh những hậu quả xấu làm thiệt hại đến tính mạng, tài sản của nhân dân cũng như xã hội. Nhật ký tuần tra, theo dõi đường GTNT là tài liệu quan trọng trong công tác quản lý vì vậy phải được ghi chép đầy đủ và lưu trữ tại tổ chức, cá nhân quản lý.

2. Người làm nhiệm vụ tuần tra, theo dõi đường GTNT phải ghi chép trong khi làm nhiệm vụ nhằm phản ánh đầy đủ mọi tình trạng, sự cố xảy ra đối với đoạn đường và công trình, hành lang an toàn đường bộ có trên tuyến được giao nhiệm vụ.

3. Lãnh đạo Đơn vị quản lý đường GTNT đọc nội dung ghi chép trong sổ vào cuối ngày kiểm tra và ghi ý kiến xử lý, đồng thời ký tên dưới ý kiến đó.

Chủ quản lý sử dụng đường GTNT hàng tháng kiểm tra và ghi ý kiến chỉ đạo để đơn vị quản lý đường GTNT thực hiện.

4. Hàng tháng, hàng quý, khi nghiệm thu công tác BDTX, nhật ký tuần tra, theo dõi đường GTNT phải được xuất trình để hội đồng nghiệm thu xem xét đánh giá công tác quản lý theo tháng, quý đó.

5. Nhật ký tuần tra, theo dõi đường GTNT là sản phẩm của người làm nhiệm vụ tuần tra, theo dõi đường GTNT.

Căn cứ nội dung ghi chép trong Nhật ký để đánh giá chất lượng công tác của Nhân viên tuần tra, theo dõi đường GTNT.

Đối với đơn vị quản lý đường GTNT, Nhật ký tuần tra, theo dõi đường GTNT đánh giá một phần chất lượng và trình độ, phương thức quản lý của đơn vị quản lý đường GTNT.

Nhật ký tuần tra, theo dõi đường GTNT là tư liệu để giúp quá trình hoạch định kế hoạch và kế hoạch tác nghiệp.

Phần II

NỘI DUNG KIỂM TRA, GHI CHÉP

I. Về đường

1. Mặt đường: Kiểm tra tình trạng mặt đường như ổ gà, cao su, sinh lún... ghi rõ vị trí và ước tính tỷ lệ % (hoặc m^2 , m, ...) chủ yếu đối với khối lượng phát sinh.

2. Lề đường: Những vị trí không đảm bảo bằng phẳng, cao hơn mặt đường khi mưa đọng nước gây lầy lội hoặc vật liệu, đất đá, rom rạ, lều quán lấn chiếm làm cản trở giao thông, hạn chế tầm nhìn.

3. Rãnh dọc: Nêu những vị trí bị lấp tắc, cây cỏ không được dọn sạch, và những hư hỏng khác làm ảnh hưởng đến khả năng thoát nước của cống, rãnh.

4. Công tác phát cây: Những vị trí bị cây cỏ che khuất tầm nhìn, cột Km, cọc tiêu, đầu cầu, cống, lòng sông dưới cầu... bị cỏ che lấp hoặc làm cản trở dòng chảy... cần được chặt, phát.

5. Hệ thống an toàn giao thông (trụ tiêu, cọc H, cột Km, cột thủy chuẩn, cột mốc lộ giới, biển báo, hộ lan tôn sóng, dải phân cách, tấm chắn sáng v.v.): số lượng bị mất, bị hư hỏng so với ngày kiểm tra lần trước cần phải bổ sung những vị trí nào...

6. Nền đường: Phản ánh các hư hỏng của nền, chú ý các vị trí sụt, sạt...

7. Các vi phạm hành lang an toàn đường bộ (theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, Nghị định 100/2013/NĐ-CP và Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT): ghi rõ hình thức, diện tích lấn chiếm, kết cấu xây dựng, vị trí.

8. An toàn giao thông: Khi có các vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng xảy ra, ngoài việc ghi vào Nhật ký tuần tra, theo dõi đường GTNT và nêu các kiến nghị sửa chữa cải tạo đường, cầu hoặc bổ sung hệ thống an toàn giao thông ... còn phải báo cáo ngay Đơn vị quản lý đường GTNT và Chủ quản lý sử dụng đường GTNT.

9. Theo dõi việc thi công công trình trên đường bộ đang khai thác, nhắc nhở nhà thầu thi công bảo đảm an toàn giao thông; nếu phát hiện các hành vi gây mất an toàn giao thông phải báo cáo ngay Đơn vị quản lý đường GTNT và Chủ quản lý sử dụng đường GTNT để xử lý kịp thời.

10. Mô tả tình trạng vệ sinh mặt đường: như các hiện tượng đất, cát bụi... bám trên mặt đường, tình trạng rác thải trên mặt đường và lề đường cũng như hệ thống cống, rãnh dọc và ngang.

II. Kiểm tra đường ngầm, hầm đường bộ, bến phà đường bộ

1. Các bộ phận công trình cần kiểm tra và xử lý đảm bảo an toàn khai thác, cụ thể:

a) Đối với đường ngầm: kiểm tra, phát hiện các hư hỏng nền, mặt đường, kè, móng, mái ta luy đường ngầm; hệ thống cọc tiêu hai bên đường ngầm, các biển báo hiệu đường bộ, bảng hướng dẫn, cột thủy chuẩn; trường hợp biển báo, cọc tiêu, cột thủy chuẩn nghiêng đổ thì dựng lại. Khi mưa, lũ, lụt ngập đường ngầm, phải kiểm tra, theo dõi mực nước ngập và vận tốc nước chảy qua đường ngầm để quyết định cho phép khai thác với điều kiện hạn chế tốc độ, hạn chế khác để bảo đảm an toàn giao thông, hoặc quyết định tạm dừng khai thác khi mức nước và tốc độ nước chảy vượt quá giới hạn khai thác an toàn quy định tại Phụ lục số I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đối với hầm đường bộ: kiểm tra, phát hiện các hư hỏng hầm, nền, mặt đường, hệ thống báo hiệu trong hầm và khu vực cửa hầm; khả năng thoát nước của hầm; hệ thống chiếu sáng (nếu có) và các hạng mục công trình khác; kiểm tra công tác vệ sinh trong hầm;

c) Đối với bến phà đường bộ: phát hiện các hư hỏng nền và mặt bến phà, hạng mục công trình đầu bến khu vực mép nước và hai bên bến phà và các công trình khác thuộc bến; kiểm tra tình trạng hệ thống báo hiệu và công trình an toàn giao thông; kiểm tra tình trạng an toàn neo đậu của phà; theo dõi mực nước ngập và vận tốc dòng nước chảy để báo cáo đơn vị quản lý vận hành khai thác phà hoặc cơ quan có thẩm quyền quyết định hạn chế tải trọng, tốc độ hoặc quyết định tạm dừng khai thác.

2. Việc ghi chép hư hỏng của các bộ phận trong kết cấu phải thực hiện khi tiến hành kiểm tra. Cuối ngày phải được tập trung ở Đơn vị quản lý đường GTNT.

3. Nội dung ghi chép phải mạch lạc, rõ ràng, tỉ mỉ, chính xác, Nhân viên tuần tra, theo dõi đường GTNT phải ký tên ở phía dưới.

4. Xử lý:

a) Khi đi tuần, gặp trường hợp có nguy cơ gây mất an toàn giao thông như công trình bị hư hỏng, dầu mỡ rơi vãi trên mặt đường, cây cối bị đổ, đất đá sụt lở, dây điện bị đứt rơi xuống đường ... có thể nguy hiểm cho người và xe cộ đi lại thì bản thân Nhân viên tuần tra, theo dõi đường GTNT phải giải quyết ngay nếu công việc đơn giản, khối lượng ít, hoặc báo ngay cho Đơn vị quản lý đường GTNT và Chủ quản lý, sử dụng đường GTNT để xử lý, rào chắn và hướng dẫn xe cộ qua lại. Trường hợp hư hỏng lớn, sửa chữa cần vật tư, thiết bị, phải có biện pháp báo hiệu cho người tham gia giao thông biết để phòng tránh, đồng thời, báo cáo Đơn vị quản lý đường GTNT và Chủ quản lý, sử dụng đường GTNT để xử lý kịp thời;

b) Lãnh đạo Đơn vị quản lý đường GTNT hàng tuần phải đọc các phản ánh của Nhân viên tuần tra, theo dõi đường GTNT ghi trong sổ và ghi biện pháp xử lý hoặc báo cáo Chủ quản lý sử dụng đường GTNT. Trong trường hợp khẩn cấp, Đơn vị quản lý đường GTNT phải huy động mọi lực lượng để giải quyết tạm nhằm hạn chế những thiệt hại đáng tiếc xảy ra.

Ghi chú: Sổ Nhật ký tuần tra, theo dõi đường GTNT gồm 50 - 100 trang, được đánh dấu từ trang 1 đến trang cuối và đóng dấu giáp lai.

Trang đầu (bên trái):

Giờ ngày, tháng kiểm tra	Vị trí, Lý trình, xảy ra phát hiện sự cố, vi phạm	Tình hình thời tiết (nắng, mưa, mù, lũ, bão...) Diễn biến đột xuất, nội dung của các sự cố cầu đường, hoặc vi phạm mới phát hiện (vẽ minh họa vị trí, kích thước cụ thể).

Trang liên kế (bên phải):

Đã giải quyết, xử lý tại chỗ và kết quả	Người nhận báo cáo ghi nhận xét, việc cần lưu ý hàng ngày và ký tên	Ý kiến của Chủ quản lý sử dụng đường GTNT

Phụ lục III
SỐ LẦN KIỂM TRA KỸ THUẬT ĐƯỜNG GTNT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2014/TT-BGTVT
ngày 08 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

I. Chủ quản lý sử dụng đường GTNT phải tổ chức kiểm tra kỹ thuật định kỳ tùy thuộc vào thời hạn sử dụng, tình trạng, quy mô đường GTNT và các công trình đặc biệt trên đường GTNT nhưng không ít hơn quy định sau:

TT	Công trình	Số lần kiểm tra kỹ thuật		
		1 năm $\geq$ 3 lần	1 năm $\geq$ 2 lần	1 năm $\geq$ 1 lần
1	Hầm đường bộ			
	Khai thác dưới 5 năm			x
	Khai thác trên 5 năm		x	
2	Bến phà đường bộ, đường ngầm	x		

II. Việc kiểm tra kỹ thuật đột xuất trong trường hợp công trình, bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình trên đường GTNT hư hỏng, xuống cấp ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình.